

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành; 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt 05 quy trình nội bộ trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (Thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 07/TTr-SNN&MT ngày 06/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành; 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt 05 quy trình nội bộ trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Mới ban hành: 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh.
2. Sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 13/5/2025, Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 27/6/2025, Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 31/7/2025.
3. Bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 27/6/2025.

(chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2. Phạm vi tiếp nhận các thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ sau

1. Trong thời gian 01 ngày kể từ ngày Quyết định được ký ban hành phải hoàn thành việc cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.
2. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ
 - Đồng bộ đầy đủ danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long.
 - Căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.
 - Cấu hình quy trình điện tử tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long đối với quy trình được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.
3. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ

- Nội dung của 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 1 Phần A Phụ lục kèm theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 và 01 quy trình nội bộ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính Phụ lục kèm theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 15/2/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Nội dung của 02 thủ tục hành chính có số thứ tự 1, 7 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 và 02 quy trình nội bộ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có số thứ tự 1, 7 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nội dung của 01 thủ tục hành chính số thứ tự 2 mục B Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 và 01 quy trình quy trình nội bộ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có số thứ tự 9 mục I Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 642 Phụ lục kèm theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt 100% thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC, Phòng KTN;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP						
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.014605.H61	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học.	Không	Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP						
1	3.000198.000.00.00.H61	<i>Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp</i>	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học.	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống; - Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện.	<i>Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.</i>
2	3.000179.H61	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua	Không	<i>Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi</i>

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

				dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		<i>trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.</i>
3	1.007916.H61	<i>Nộp tiền trồng rừng thay thế</i>	- 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án; - 27 ngày làm việc đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	<i>Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.</i>
II. LĨNH VỰC KIỂM LÂM						
4	1.000045.000.00.00.H61	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã,	Không	<i>Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông</i>

		lâm sản: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	phường. Cơ quan giải quyết TTHC: Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học; Hạt kiểm lâm.		<i>tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.</i>
--	--	--	---	--	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP		
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	3.000180.H61	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHẦN II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Tên TTHC: Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng Mã TTHC: 1.014605.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển về Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học thẩm định, tham mưu xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn thông qua	Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,5 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học		01 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 5	Văn thư Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		10 ngày làm việc	

2. Tên TTHC: Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mã TTHC: 3.000198.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
Bước 1	Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; chuyển hồ sơ về Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường, lập biên bản thẩm định và báo cáo thẩm định, tham mưu kết quả trình lãnh đạo phòng chuyên môn	Chi cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học	10,5 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi Cục		01 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chuyển văn thư trả kết quả		01 ngày làm việc
Bước 5	Văn thư Chi Cục Vào sổ, đóng dấu, phát hành; chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 14 ngày làm việc			

3. Tên TTHC: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (Mã TTHC: 3.000179.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
Bước 1	Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; chuyển hồ sơ về Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, tham mưu giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi Cục		0,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường		0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp		0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường đóng dấu, phát hành, chuyển kết quả về đơn vị để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,25 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 04 ngày làm việc			

4. Tên TTHC: Nộp tiền trồng rừng thay thế (Mã TTHC: 1.007916.000.00.00.H61)

a) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
Bước 1	Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; chuyển hồ sơ về Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học tiếp nhận, tham mưu thẩm tra, xử lý hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học kiểm tra, duyệt, trình Lãnh đạo Chi Cục thông qua dự thảo		0,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học duyệt dự thảo, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét.		0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành tổ chức thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh		0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ của đơn vị trình chuyên viên Phòng chuyên môn xử lý	Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 7	Chuyên viên Phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ trình lãnh đạo Phòng thông qua, trình Lãnh đạo Văn phòng phụ trách xét duyệt trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt và chuyển văn thư		12 ngày làm việc
Bước 8	Văn thư vào sổ, đóng dấu, phát hành; chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 18 ngày làm việc			

b) Trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
Bước 1	Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học tiếp nhận, tham mưu thẩm tra, xử lý hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học kiểm tra, duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục thông qua dự thảo		0,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi Cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học duyệt dự thảo, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét.		0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành tổ chức thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh		0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ của đơn vị trình chuyển chuyên viên Phòng chuyên môn xử lý	Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Chuyên viên phòng chuyên môn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tham mưu thực hiện các nội dung có liên quan để giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng thông qua, trình lãnh đạo Văn phòng phụ trách xét duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt và chuyển văn thư		22 ngày làm việc
Bước 8	Văn thư đóng dấu, phát hành, chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 27 ngày làm việc			

II. LĨNH VỰC KIỂM LÂM

5. Tên TTHC: Xác nhận bảng kê lâm sản (Mã TTHC: 1.000045.000.00.00.H61)

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, không cần xác minh

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
Bước 1	Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, chuyển hồ sơ đến Chi cục Kiểm lâm/Hạt Kiểm lâm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn Chi cục hoặc Hạt Kiểm lâm tiếp nhận, kiểm tra và tham mưu xử lý hồ sơ	Chi cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học hoặc Hạt Kiểm lâm khu vực	01 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục hoặc Hạt Kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết TTHC; chuyển Văn thư vào sổ, đóng dấu, phát hành		0,25 ngày làm việc
Bước 4	Văn thư vào sổ, đóng dấu, phát hành; chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 5	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,25 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc			

b) Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
Bước 1	Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, chuyển hồ sơ đến Chi Cục Kiểm lâm/Hạt Kiểm lâm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn Chi Cục hoặc Hạt Kiểm lâm tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh và tham mưu xử lý hồ sơ	Chi cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học hoặc Hạt Kiểm lâm khu vực	02 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Chi Cục hoặc Hạt Kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết TTHC; chuyển Văn thư vào sổ, đóng dấu, phát hành		0,25 ngày làm việc

Bước 4	Văn thư vào sổ, đóng dấu, phát hành; chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 5	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,25 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc			

c) Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản do có nhiều nội dung phức tạp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
Bước 1	Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, chuyển hồ sơ đến Chi Cục Kiểm lâm/Hạt Kiểm lâm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn Chi Cục hoặc Hạt Kiểm lâm tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh và tham mưu xử lý hồ sơ	Chi cục Kiểm lâm và Đa dạng sinh học hoặc Hạt Kiểm lâm khu vực	03 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Chi Cục hoặc Hạt Kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết TTHC; chuyển Văn thư vào sổ, đóng dấu, phát hành		0,25 ngày làm việc
Bước 4	Văn thư vào sổ, đóng dấu, phát hành; chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 5	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,25 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 04 ngày làm việc			